



**CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM  
TAI NẠN KẾT HỢP SỨC KHỎE - PROTECTOR SERIES  
- GÓI BẠC -**

**1. Điều khoản bảo hiểm :** Theo Quy tắc bảo hiểm Protector Series - Tai nạn ban hành theo Quyết định số 0114B/2012/QĐ-BHV/NV ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương đính kèm.

Theo Quy tắc bảo hiểm Protector Series – Sức khỏe ban hành theo Quyết định số 0114B/2012/QĐ-BHV/NV ngày 12 tháng 09 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương đính kèm.

**2. Phạm vi bảo hiểm :** **Phần 1- Bảo hiểm tai nạn:** Bồi thường trong trường hợp Tử vong; Thương tật vĩnh viễn; Thương tật tạm thời; Chi phí y tế phát sinh do tai nạn 24/24, và hậu quả của tai nạn trong vòng 104 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn

: **Phần 2 - Tử vong, thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản:** Bồi thường trong trường hợp Tử vong; Thương tật vĩnh viễn phát sinh do ốm đau, bệnh tật, thai sản ngoại trừ tai nạn và các loại trừ theo quy tắc bảo hiểm

: **Phần 3 - Bảo hiểm Nằm viện và Phẫu thuật:** Bồi thường các chi phí thực tế và cần thiết khi nằm viện, phẫu thuật phát sinh do ốm đau, bệnh tật, thai sản, sanh con.

: **Phần 4 - Điều trị Ngoại Trú và Điều trị Nha Khoa:** Bồi thường các chi phí điều trị ngoại trú phát sinh do ốm đau, bệnh tật và chăm sóc răng phát sinh do người được bảo hiểm điều trị tại các bệnh viện, trung tâm y tế được thành lập hợp pháp tại Việt Nam bao gồm cả phòng khám tư nhân được cấp phép hoạt động, cung cấp được hóa đơn tài chính

**3. Phạm vi lãnh thổ :** Trong lãnh thổ Việt nam

**4. Thời hạn bảo hiểm :** 01 năm

**5. Quyền lợi, mức trách nhiệm:**

| <b><u>Quyền lợi Bảo hiểm</u></b>                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b><u>Số tiền bảo hiểm<br/>(VNĐ/người/năm)</u></b>                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b><u>Phần 1: Bảo hiểm tai nạn</u></b>                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>200,000,000</b>                                                         |
| <b>Tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn</b>                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>200,000,000</b>                                                         |
| <b>Thương tật bộ phận vĩnh viễn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phần trăm của Số tiền bảo hiểm như Bảng quyền lợi cho Thương tật vĩnh viễn |
| <b>Chi phí y tế</b> trong suốt thời gian điều trị do tai nạn theo chỉ định của bác sĩ, bao gồm nhưng không giới hạn:<br>- Chi phí vật lý trị liệu, phục hồi chức năng sau tai nạn (theo chỉ định của bác sĩ điều trị)<br>Chi phí vận chuyển cấp cứu (không bao gồm vận chuyển bằng đường hàng không) | <b>50,000,000 /năm</b>                                                     |
| <b><u>Phần 2 - Tử vong, thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản</u></b>                                                                                                                                                                                                                   | <b>100,000,000</b>                                                         |
| <b>Tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn</b>                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>100,000,000</b>                                                         |
| <b>Thương tật bộ phận vĩnh viễn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phần trăm của Số tiền bảo hiểm như Bảng quyền lợi cho Thương tật vĩnh viễn |
| <b><u>Phần 3 - Bảo hiểm Nằm viện và Phẫu thuật</u></b>                                                                                                                                                                                                                                               | <b>100,000,000</b>                                                         |



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG (BHV)

126 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM - Hotline 1900 63 3535

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1. <i>Tiền viện phí</i> (chi phí cho việc chăm sóc, các dịch vụ y tế và thuốc men cần thiết trong thời gian nằm viện), bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền phòng &amp; Ăn uống (Giới hạn phòng tiêu chuẩn);</li><li>- Phòng chăm sóc đặc biệt (phòng điều trị tích cực, tối đa 30 ngày/năm);</li><li>- Chi phí máu, huyết tương;</li><li>- Thuốc và dược phẩm sử dụng trong khi nằm viện;</li><li>- Vật lý trị liệu (nếu những chi phí này là cần thiết trong quá trình điều trị nằm viện theo chỉ định của bác sĩ);</li><li>- Xét nghiệm hoặc chẩn đoán bằng hình ảnh như X-quang, MRI, CT, PET được chỉ định bởi bác sĩ điều trị để chẩn đoán bệnh, được thực hiện trong thời gian điều trị nằm viện tại bệnh viện</li><li>- Chi phí đỡ đỡ</li></ul> | 5,000,000 /ngày<br>(Lưu ý: Không bảo hiểm cho phòng bao)                     |
| 2. <i>Chi phí phẫu thuật</i> bao gồm nhưng không giới hạn đối với: <ul style="list-style-type: none"><li>- Thủ thuật phẫu thuật</li><li>- Phòng mổ</li><li>- Gây mê</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <u>Chi trả tối đa STBH</u>                                                   |
| 3. <i>Chi phí vận chuyển cấp cứu</i> (không bao gồm vận chuyển bằng đường hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <u>Chi trả tối đa STBH</u>                                                   |
| 4. <i>Chi phí điều trị cấp cứu</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <u>Chi trả tối đa STBH</u>                                                   |
| 5. <i>Trợ cấp nằm viện hằng ngày</i><br>(Tối đa: 60 ngày)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 100,000/ngày                                                                 |
| 6. <i>Trợ cấp mai táng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2,100,000                                                                    |
| 7. <i>Chi phí khám trước khi nhập viện</i> (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,000,000/năm                                                                |
| 8. <i>Chi phí khám sau khi xuất viện</i> (trong vòng 30 ngày sau khi xuất viện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,000,000/năm                                                                |
| 9. <i>Chi phí y tá chăm sóc tại nhà sau khi nhập viện</i> (trong vòng 15 ngày sau khi xuất viện) - không áp dụng cho thai sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5,000,000/năm                                                                |
| 10. <i>Chi phí dưỡng nhi</i> (trong vòng 07 ngày tại bệnh viện cùng mẹ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 500,000/năm                                                                  |
| 11. <i>Thai sản và sinh đẻ, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sinh thường</li><li>- Thai khó và sinh mổ</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Theo các giới hạn phụ từ 1-3 của Điều trị Nội trú, Tối đa 50,000,000 VNĐ/ ca |
| <b><u>Phần 4 - Điều trị Ngoại Trú và Điều trị Nha Khoa</u></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>10,000,000</b>                                                            |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Khám, tư vấn bác sỹ, chuyên gia y tế</li><li>- Thuốc theo toa</li><li>- Xét nghiệm y k hoa, chụp X-quang, bức xạ trị để chẩn đoán và chữa trị theo chỉ định của bác sỹ</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,500,000 lần khám & điều trị                                                |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Vật lý trị liệu hợp lý và cần thiết được bác sỹ chỉ định<br/>Tối đa 60 ngày/năm</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100,000 /ngày                                                                |
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Chăm sóc răng cơ bản:<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Khám và chuẩn đoán</li><li>▪ Chụp X-Quang</li><li>▪ Trám răng bằng chất liệu thông thường (amalgam, composite)</li><li>▪ Điều trị tủy</li><li>▪ Nhổ răng bệnh lý (không bao gồm phẫu thuật)</li><li>▪ Lấy vôi răng (giới hạn 400,000 VNĐ/năm)</li></ul></li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,000,000/ năm                                                               |

**Lưu ý thời gian chờ:** Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực sau thời gian chờ dưới đây tính từ Ngày gia nhập bảo hiểm.

- ♦ Điều trị bệnh tật: Không áp dụng;



- ◆ Điều trị bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn: Không áp dụng;
- ◆ Thai sản:
  - ✓ 60 ngày đối với trường hợp sảy thai, cần thiết phải nạo thai theo chỉ định của bác sĩ điều trị thai sản;
  - ✓ 270 ngày đối với trường hợp sinh đẻ.
- ◆ Tử vong do bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn: 12 tháng kể từ ngày gia nhập bảo hiểm;
- ◆ Tử vong do thai sản: 12 tháng kể từ ngày gia nhập bảo hiểm.

**6. Điều khoản mở rộng:**

1. Điều khoản bảo hiểm Bệnh nghề nghiệp (bảo hiểm cho tất cả các quyền lợi dưới phạm vi bảo hiểm của Phần 1 – Bảo hiểm tai nạn)
2. Điều khoản về đình công, nổi loạn và bạo động dân sự (bảo hiểm dưới phạm vi bảo hiểm của Phần 1). Giới hạn 2,100,000,000 VNĐ/ năm và tất cả các vụ
3. Hệ thống bảo lãnh viện phí mở rộng cho điều trị nội trú, ngoại trú & răng. Danh sách bệnh viện/phòng khám có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) trong thời hạn bảo hiểm
4. Bảo hiểm cho điều trị các bất thường về sinh hóa, chuyển hóa của cơ thể như tăng lipid máu, men gan cao, nồng độ calci thấp hay các tình trạng tương tự
5. Bảo hiểm cho dụng cụ phẫu thuật trĩ longo. Đồng bảo hiểm 50%
6. Bảo hiểm cho stent động mạch vành, van tim, catheter trong phẫu thuật tim. Đồng bảo hiểm 50%
7. Bảo hiểm cho lưới trong phẫu thuật thoát vị bẹn, rò tán sỏi. Đồng bảo hiểm 50%
8. Bảo hiểm các trường hợp tử vong do ngộ độ thức ăn, đồ uống được cung cấp/ sử dụng tại cơ sở kinh doanh của Chủ hợp đồng bảo hiểm với điều kiện thức ăn và đồ uống phải được cung cấp bởi các đơn vị có đầy đủ giấy chứng nhận, tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định hiện hành của pháp luật. Tổng mức trách nhiệm bảo hiểm cao nhất của BHV (tổng thất tích tụ) không vượt quá 2,100,000,000 VNĐ/ năm
9. Điều khoản về ngạt thở do khí độc, khí gas (bảo hiểm theo các quyền lợi dưới phạm vi bảo hiểm của Phần 1 – Bảo hiểm tai nạn) (Giới hạn 2,100,000,000 VNĐ/ năm và tất cả các vụ)